LUẬN A TỲ ĐÀM TỲ BÀ SA
QUYỂN 16

Chương 1: **KIỀN-ĐỘ TẠP**

Phẩm 4: **ÁI KÍNH**, Phần 1

Thế nào là ái? Thế nào là kính? Cho đến nói rộng.

Như chương nầy và giải thích nghĩa chương ở đây, nên nói rộng Ưu-ba-đề-xá.

Hỏi: Vì sao soạn luận nầy?

Đáp: Đây là kinh Phật. Trong kinh của Phật chép: Nếu Tỳ-kheo tu tập hổ thẹn đầy đủ, thì có ái, kính. Dù nói như vậy nhưng không phân biệt rộng thế nào là ái, thế nào là kính? Nay vì muốn nói rõ nên soạn luận nầy.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận nầy là vì muốn dứt pháp của người Tiểu thừa, biểu hiện pháp của người Đại thừa, việc ấy ra sao?

Đáp: Người Tiểu thừa ái thì trở ngại kính. Kính thì trở ngại ái. Thế nào là ái trở nagị kính? Giống như pháp tại gia, đối với con thì cha mẹ có thân ái. Con đối với cha mẹ thì có ái không có kính.

Trong pháp xuất gia, Hòa-thượng, A-xà-lê đối với các đệ tử, thì có sự thân ái, đệ tử đối với các Hòa thượng, A-xà-lê có ái, không có kính. Đó gọi là ái trở ngại cho kính.

Kính trở ngại ái thì sao? Giống như trong pháp tại gia, cha mẹ đối với con cái giáo huấn nghiêm khắc, là chỉ muốn cho các con bỏ ác tu thiện, con đối với cha mẹ có kính, không có ái. Trong pháp xuất gia, Hòa thượng, A-xà-lê đối với đệ tử, giáo huấn nghiêm khắc, cũng vì muốn cho các đệ tử của mình bỏ ác, tu thiện. Các đệ tử đối với các Hòa thượng, A-xà-lê, có kính không có ái.

Cũng thế, người nhỏ ái thì trở ngại cho kính, kính thì trở ngại cho ái. Người lớn thì không như vậy. Nếu ái thì thêm kính, kính thì thêm ái. Cho nên vì muốn dứt pháp của hàng tiểu nhân để thể hiện pháp của bậc

đại nhân có oai thế, nên soạn luận nầy.

Lúc Phật ra đời, một người có đủ hai pháp ái, kính nầy rất nhiều. Vào thời kỳ không có Phật xuất thế, một người có đủ hai pháp nầy thì quá ít. Nếu có đủ thì phải biết đều là các Đại Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là ái?

Đáp: Nếu ái, cho đến nói rộng. Những lời nói như thế, đều nói lên tưởng ái.

Hỏi: Thể tánh của ái là gì?

Đáp: Ái có hai thứ.

1. Nhiễm ô.

2. Không nhiễm ô.

Nhiễm ô: Thể là khát ái. Không nhiễm ô: Thể là khát tín ái. Ái có hai thứ:

1. Khát ái.

2. Tin ái.

Hỏi: Nếu khát ái là ái chăng?

Nếu khát ái tức là ái thì có khi nào ái chẳng phải khát ái không?

Đáp: Có, là ái không nhiễm ô. Tín cũng có hai thứ:

1. Tin.

2. Ái.

Hỏi: Nếu tin là ái chăng?

Đáp: Có khi tin, chẳng phải ái, có khi tin là ái. Tin chẳng phải ái: Tức tin mà không mong cầu. Tin là ái: Tức vừa tin, vừa mong cầu.

Lại có người dùng nghĩa nầy tạo ra bốn trường hợp: có khi tin và chẳng phải ái, có khi ái mà chẳng phải tin, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Tin chẳng phải ái: Tin vào việc kia mà không cầu mong.

2. Ái chẳng phải tin: Là ái nhiễm ô.

3. Vừa tin, vừa ái: Ái việc kia mà mong cầu.

4. Chẳng phải tin, chẳng phải ái: Trừ ngần ấy việc trên.

Thế nào là kính? Nếu kính, thiện kính, cho đến nói rộng. Những lời như thế v.v... đều nói là tướng kính.

Hỏi: Thể tánh của kính nầy là gì?

Đáp: Thể tánh của kính là hổ thẹn. Thế nào là ái kính?

Hỏi: Vì sao soạn luận nầy?

Đáp: Trước, dù nói thể của ái kính, nhưng chưa nói hai pháp nầy đều ở trong một thân. Nay vì muốn nói rõ nên soạn luận nầy.

Hỏi: Thế nào là ái kính?

Đáp: Cũng như có một người. vì ái kính nên ý thường niệm Phật. Người phàm phu ái kính Phật, nhờ oai lực Phật làm cho họ xa lìa mọi nỗi khổ sở bị sai khiến, giúp họ những vật dụng nuôi sống tùy ý.

Bậc Thánh ái kính Phật: Nhờ năng Phật lực giúp cho bậc Thánh dứt trừ vô lượng đau khổ từ vô thỉ đến nay dứt hết nhân đường ác, trụ nơi pháp quyết định, thấy chân đế, chánh kiến thanh tịnh.

Lại có thuyết nói: Đều ái kính Phật: Ý thường nghĩ đến Phật, nhờ oai lực Phật khiến chúng ta xuất gia được pháp Tỳ-kheo và lợi ích yên vui của các điều thiện khác. Như Tôn giả Ưu-đà-da nói: Đức Thế tôn đã diệt vô lượng pháp ác của ta, lợi ích vô lượng pháp thiện cho ta.

Lại nữa, vì Phật xuất cho nên thanh tịnh ba thứ nhãn, như Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Nếu Phật không xuất thế thì ta mù lòa không có mắt qua một đời nầy. Lại nữa, vì Phật là bậc tối tôn, tối thắng.

Lại có thuyết nói: Vì Phật là Pháp chủ.

Lại có thuyết nói: Pháp của bảy y từ vô thỉ đến nay ẩn một không hiện, Đức Phật có thể khai thị.

Lại có thuyết nói: Đức Phật có thể giúp cho vô số na-do-tha chúng sinh vào thành Niết-bàn.

Lại có thuyết nói: Chỉ có Phật Thế tôn đã ra khỏi Võ vô minh, xoay bánh xe pháp.

Lại có thuyết nói: Vì Đức Thế tôn nói pháp nên khiến cho vô lượng na-do-tha chúng sinh gieo trồng các căn thiện, cũng khiến cho thành thục, đạt được giải thoát. Do Phật nói pháp, nên khiến có niệm xứ, chánh dứt, thần túc, căn, lực, giác đạo, thiền định, giải thoát Tam- ma-đề, nói tất cả các công đức như thế, v.v... đều thể hiện ở thế gian.

Việc ấy, v.v... nên như phàm phu, bậc Thánh kính ái Đức Phật, cũng kính ái pháp, ý thường nhớ nghĩ. Vì sao? Vì có thể diệt trừ các khổ thân, tâm của ta, cũng nương pháp nầy, có thể đạt đến Niết-bàn. Cũng kính ái tăng, ý thường nhớ nghĩ. Vì sao? Vì nhờ oai lực của tăng, giúp cho ta được xuất gia, thọ giới cụ túc, được chứa một trăm lẻ một vật, được chung phạm hạnh với Hòa thượng, A-xà-lê v.v... đồng an trụ trong pháp Phật.

Người như thế, v.v..., lúc ta hành đạo, là bè bạn của ta. Do đối với lĩnh vực như thế v.v... có ái, có kính, nên gọi là ái kính.

Có người có ái không có kính, có kính không có ái, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Có ái không có kính: Như pháp tại gia, cha mẹ đối với con, Hòa thượng, A-xà-lê đối với các đệ tử của mình, gọi là có ái không có

kính.

2. Có kính không có ái: Như đối với người có đức, sư trưởng khác, không cùng phục theo gọi là có kính không có ái.

3. Vừa kính vừa ái: Như pháp tại gia, con đối với cha mẹ, đệ tử đối với Hòa thượng, A-xà-lê.

4. Không có ái, không có kính: Trừ ngần ấy việc trên.

Sự kính ái trong bốn đường đều có. Ái kính nói trong đây là danh từ được dùng trong pháp Phật.

Thế nào là nuôi nấng? Kính là sao? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận nầy?

Đáp: Vì dứt pháp của tiểu nhân, hiển bày pháp của bậc đại nhân. Vì sao? Vì tiểu nhân nuôi nấng thì trở ngại cho kính, kính thì trở ngại cho sự nuôi nấng.

Sự nuôi nấng trở ngại cho kính: Như pháp tại gia, cha mẹ già yếu bệnh tật, dùng y phục, thức uống ăn, tùy bệnh, lo chạy chữa thuốc thang, để phụng dưỡng cha mẹ, mà không có kính.

Trong pháp xuất gia: Như các đệ tử, có oai đức học rộng, khéo hiểu pháp tướng, được mọi người biết. Họ dùng y phục, thức uống ăn, thuốc thang tùy bệnh, để phụng dưỡng Hòa thượng, A-xà-lê. Thầy của họ, đôi khi đối với đệ tử, còn thọ kinh, hỏi nghĩa.

Những sự phụng dưỡng như thế, gây trở ngại cho kính. Với đại bậc nhân thì không như thế. Nếu nuôi nấng thì thêm sự cung kính, nếu cung kính thì tăng sự nuôi nấng. Khi Đức Phật xuất thế, một người có đủ hai pháp nầy rất nhiều, vào thời đại Phật không ra đời, một người hội đủ hai pháp nầy là rất ít. Nếu có, phải biết đó là Đại Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát nuôi nấng con người, thì sẽ thêm sự kính trọng, nếu kính trọng người kia, thì nhất định phải thêm sự nuôi nấng họ.

Do việc nầy, nên muốn dứt pháp của hàng tiểu nhân, thể hiện pháp của bậc đại nhân, vì rất ít có, nên soạn luận nầy.

Hỏi: Thế nào là nuôi nấng?

Đáp: Sự nuôi nấng có hai thứ:

1. Của cải.

2. Giáo pháp.

Hỏi: Thể tánh của sự nuôi nấng bằng của cải là gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đó là xả của cải vật chất.

Lại có thuyết nói: Bỏ nghiệp thân, miệng, ý.

Lại có thuyết nói: Có thể nuôi lớn bốn đại các căn.

Bình luận: Nên nói rằng: Thể tánh của sự nuôi nấng bằng của cải

là năm ấm.

Hỏi: Có là đường chăng?

Đáp: Trừ đường địa ngục, đường khác đều có.

Lại có thuyết nói: Trong sáu tầng trời cõi Dục không có. Vì sao? Vì chư thiên khi muốn ăn, thì đặt bát vàng trống ở trước mặt, tùy sức phước đức của họ, thức uống ăn tự xuất hiện, đâu cần của cải để nuôi nấng.

Lại có thuyết nói: Thức ăn uống của người kia dù bằng nhau, nhưng của cải thì có khác, nên có thể cho người.

Hỏi: Thí cho ở chỗ nào? Ai cho, ai nhận?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Trong đường súc sinh, trở lại cho súc sinh, trong đường ngạ quỷ, cho hai đường. Con người thí cho ba đường, trời thí cho ba đường trước.

Lại có thuyết nói: Có thể cho bốn cõi. Nếu con người vì có ý làm lợi ích, thì cho người khác thức ăn uống. Họ nhờ ăn mà các căn bốn đại được nuôi lớn, đây gọi là thí cho, cũng gọi là nuôi nấng. Mặc dù có ý làm lợi ích cho người khác, cho họ thức ăn uống, họ ăn, nhưng không nuôi lớn các căn bốn đại, đó gọi là thí cho, không gọi là nuôi nấng. Nếu người có tâm hãm hại, dùng thức ăn xen lẫn chất độc để cho người, người lại dùng sức của chú thuật, của cỏ thuốc. Nếu là chúng sinh có đức, thì các căn bốn đại đều tăng trưởng, đó gọi là nuôi nấng, không gọi là thí cho. Người cho kia thọ báo bất thiện.

Hỏi: Thể của sự nuôi nấng bằng pháp là gì?

Đáp: Lại có thuyết nói: Thể tánh của sự nuôi nấng do pháp là danh.

Lại có thuyết nói: Là ngữ.

Lại có thuyết nói: Nếu khi nghe pháp, sinh ra ý tưởng không hề có, áp dụng phương tiện thiện xảo, là thể tánh của sự nuôi nấng bằng pháp.

Bình luận: Nên nói rằng: Nhận lấy sự nghe pháp của người kia, pháp cộng sinh tương ưng của phương tiện thiện xảo, thể là năm ấm.

Hỏi: Ở nơi nào có sự nuôi nấng của pháp?

Đáp: Năm đường đều có. Vì sao biết được trong đường địa ngục là có?

Đáp: Từng nghe nói ông Di-đa-đạt, lúc nhỏ đọa vào địa ngục, cho là nơi nhà tắm, bèn nói kệ rằng:

Chốn vắng nhân gian thọ khổ vui
Chẳng do ta do người tạo nên

Như thọ các xúc đều duyên theo thân
Nếu không có thân ai thọ khổ.

Bấy giờ, các chúng sinh nghe nói bài kệ nầy, đều duyên theo phước ấy, từ đấy qua đời, thoát khổ địa ngục.

Hỏi: Làm sao biết được trong đường súc sinh cũng có sự nuôi nấng do pháp?

Đáp: Như chim Ca-tần-xà-la, v.v..., thân hành phạm hạnh, vì người khác nói pháp. Trong đường địa ngục, như Tất-lăng-ca v.v... Trong cõi trời người, đều có thể hiện thấy thực. Sáu tầng trời cõi Dục trong các trời và chư thiên cõi Sắc, chẳng phải các tầng trời cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao biết được chư thiên cõi Sắc cũng có?

Đáp: Như Thủ thiên tử đến chỗ Phật bạch rằng: Hôm nay bốn chúng vây quanh, Đức Thế tôn vì họ giảng nói các pháp, người nghe cảm thấy vui mừng, vâng làm. Ta lại đến tầng trời Vô nhiệt, chư thiên vây quanh mà vì họ nói pháp, người nghe vô cùng vui mừng, vâng làm, cũng giống như thế.

Vì việc ấy, nên biết được trong các tầng trời cõi Sắc cũng có sự nuôi nấng bằng pháp. Nếu dùng tâm làm lợi ích, vì người khác nói pháp người khác nghe pháp rồi, nảy ra phương tiện thiện. Đó gọi là cho, cũng không gọi là nuôi nấng. Nếu có tâm làm lợi ích, vì người khác nói pháp, người khác nghe pháp xong chẳng sinh phương tiện thiện xảo. Đó gọi là thí cho, không gọi là nuôi nấng. Nếu có tâm chê bai, đả kích, vì người khác nói pháp, người khác nghe rồi, do tâm trí sinh ra phương tiện thiện xảo, đó gọi là nuôi nấng, không gọi là thí cho.

Thế nào là kính? Nếu kính trọng là kính, cho đến nói rộng thể tánh của kính là hổ thẹn, như trước đã nói.

Thế nào gọi là kính, nuôi nấng?

Hỏi: Vì sao lại soạn luận nầy?

Đáp: Trước đã nói về thể tánh của kính, nuôi nấng, nhưng chưa nói một người có đủ hai việc ấy, nên soạn luận nầy.

Hỏi: Kính, nuôi nấng là gì?

Đáp: Giống như có một, mà kính trọng, phụng dưỡng Phật.

Hỏi: Lấy gì để kính trọng, phụng dưỡng Phật.

Đáp: Dùng của cải để cung kính, phụng dưỡng Phật, không thể dùng pháp. Vì sao? Vì không thể sinh ra Phật, không hề có phương tiện thiện xảo. Vì sao? Vì Đức Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không dùng pháp của người khác. Vì pháp là như thế.

Hỏi: Vì sao trong đây không nói pháp kính trọng, nuôi nấng?

Đáp: Nghĩa tạo duyên là nghĩa nuôi nấng, còn pháp kia là lìa duyên.

Hỏi: Nếu muốn thí pháp sẽ phải thí ở chỗ nào?

Đáp: Pháp có hai thứ:

1. Danh số.

2. Chân thật.

Nếu muốn thì cho pháp danh số, thì nên thí cho người nói pháp, hoặc người viết chép kinh. Nếu muốn thí pháp chân thật, thì phải giữ gìn vật nầy, phải như kính tháp Phật.

Hỏi: Thế nào là thí cho tăng pháp, nuôi nấng?

Đáp: Ở trong chúng tăng, soạn kệ của ba khế kinh, tạo ra Sa hạt già, nói các thứ hỏi đáp của nghĩa quyết định.

Hỏi: Thế nào là nuôi nấng bằng của cải?

Đáp: Nếu dùng các thứ ăn uống, tạo ra trường trai, Ban-già-vu- sắt, tạo pháp hội giải thích kinh, cúng dường Hòa-thượng, A-xà-lê và người phạm hạnh thanh tịnh khác.

Hỏi: Ai cho, ai nhận?

Đáp: Đức Phật có thể thí cho tất cả các chúng sinh sự nuôi nấng bằng pháp, sự nuôi nấng bằng của cải. Tất cả chúng sinh có thể cho Phật sự cúng dường bằng của cải, không thể cho pháp để phụng dưỡng Phật. Bích-chi Phật có thể cho tất cả các chúng sinh sự nuôi nấng bằng pháp, sự nuôi nấng bằng của cải, trừ Phật, Thế tôn. Tất cả chúng sinh có thể cho Phật, Bích-chi Phật sự phụng dưỡng bằng của cải, không thể thí cho sự phụng dưỡng bằng pháp. Xá-lợi-phất có thể thì cho tất cả chúng sinh sự nuôi dưỡng bằng pháp, bằng của cải, chỉ trừ Phật, Bích-chi Phật. Tất cả chúng sinh có thể thí cho Phật, Bích-chi Phật, Xá-lợi-phất sự nuôi nấng bằng của cải, không thể thí cho sự nuôi nấng bằng pháp. Mục-kiền-liên có thể cho tất cả chúng sinh sự nuôi nấng bằng của cải, bằng pháp, chỉ trừ Phật, Bích-chi Phật, Xá-lợi-phất. Tất cả chúng sinh có thể thí cho Phật, Bích-chi Phật, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sự cúng dường của cải, không thể cho sự cúng dường bằng pháp. Cho đến người với căn tánh nhạy bén có thể cho kẻ căn tánh chậm lụt sự nuôi nấng bằng của cải, bằng pháp. Người căn tánh chậm lụt có thể thí cho người căn cơ nhạy bén sự nuôi nấng bằng của cải, không thể cho sự nuôi nấng bằng pháp.

Hỏi: Nếu không có khả năng thí cho Phật sự nuôi nấng bằng pháp thì vì sao Đức Thế tôn lại khen ngợi chỗ giảng nói của Tôn giả A-nan. Khen là: Lành thay! Lành thay! Như điều ông nói tinh tiến có thể sinh ra

Bồ-đề. Cũng khen ngợi Tỳ-kheo Ức Nhĩ: Lành thay! Lành thay! Thầy có thể dùng âm thanh hay để ngâm vịnh, đọc tụng pháp nhiệm mầu, dùng lời nói, âm thanh của nước A-bàn-đề phổ biến cùng khắp. Lời nói ấy chánh trực, dễ hiểu, làm cho nhiều người thích nghe.

Chỗ nêu nầy làm sao hiểu? Như Phật bảo Tôn giả A-nan: Ta cũng tăng ích pháp thiện, tịch tĩnh của người xuất gia?

Đáp: Vì sao Phật khen Tôn giả A-nan? Vì điều Tôn giả A-nan nói rất hợp thời nên được Phật khen.

Làm sao biết? Vì có nghe Đức Thế tôn du hóa ở nhân gian, bị bệnh đau lưng, Ngài trải y Uất-đa-la-tăng ra nằm và gối đầu bằng y tăng-già-lê, nằm nghiêng hông bên phải và bảo Tôn giả A-nan: Nay ông sẽ vì các Tỳ-kheo nói pháp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo giải thích về giác ý: Nầy các Trưởng già! Như lai nhờ niệm giác ý mà thành đạo, cũng vì người khác mà giảng nói, cho đến nói rộng: Trạch pháp giác ý, tinh tiến giác ý. Ngay khi Tôn giả A-nan đang phân biệt về giác ý, Đức Thế tôn tự nhớ nghĩ về vô số A-tăng-kỳ kiếp trong quá khứ, mình đã từng thực hành các phương tiện, đều là do sức tinh tiến. Vì nhớ nghĩ nên khởi tâm hỷ, khiến thân bốn đại bị bệnh được tiêu diệt rất nhanh chóng, bốn đại không bệnh sinh khởi cũng rất nhanh chóng và chứng đau lưng liền dứt trừ, vội ngồi kiết già, bảo Tôn giả A-nan: Ông giảng về tinh tiến phải không?

Tôn giả A-nan thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế tôn.

Đức Phật bảo: Lành thay! Lành thay! Nầy A-nan! Thật như lời ông vừa nói, tinh tiến có thể sinh ra Bồ-đề.

Do việc ấy, nên gọi là khen ngợi Tôn giả A-nan, Tỳ-kheo Ức Nhĩ.

Hoặc có thuyết nói: Vì muốn khiến Tỳ-kheo kia sinh tâm không sợ, nên Hòa thượng Đại Ca-chiên-diên nước A-bàn-đề đã từng khiển trách Ức Nhĩ: Ông hãy đến chỗ Phật thỉnh xin năm việc đó:

1. Xin thường tắm gội.
2. Xin da để làm đồ nằm.
3. Xin thỉnh sư Tỳ-ni, làm người thứ năm, được thọ giới cụ túc.
4. Xin mang dép hai lớp.
5. Xin được chứa y dư quá mười đêm.

Tỳ-kheo Ức Nhĩ vì năm việc nầy nên đến chỗ Phật. Oai đức của Đức Thế tôn, cho đến Phạm thiên, Đế-thích, Hộ Thế Tứ Vương không thể đứng gần nhìn thẳng. Do việc nầy, nên Ức Nhĩ không dám xin ngay.

Về sau, được Đức Thế tôn khen ngợi Ngài mới dám xin.

Cho nên, vì muốn cho Tỳ-kheo kia sinh khởi tưởng không sợ hãi nên mới khen ngợi.

Lại có thuyết nói: Vì muốn làm lợi ích cho Tỳ-kheo kia, nên mới khen ngợi. Vì sao? Vì Tỳ-kheo kia ở nước A-bàn-đề có thể làm Phật sự. Vì muốn cho các người ở nước đó tâm thêm tôn trọng nên mới khen ngợi ông.

Lại có thuyết nói: Do Tỳ-kheo Ức Nhĩ có thể khéo trì tụng các nghĩa Ưu-đà-na, Ba-la-diên của kinh, có thể làm vừa ý Phật, nên mới được khen ngợi.

Lại có thuyết nói: tu tịnh nghiệp làm cho tiếng nói trong, diệu, nên mới được khen ngợi.

Nói làm tăng ích pháp thiện vắng lặng của người xuất gia: Các vị xuất gia xoay vần, được quyết định đúng, chứng đắc đạo quả, có thể lìa ái dục, cũng hết các lậu, gieo trồng nhân Phật đạo và nhân của đạo Duyên giác, Thanh văn, được sinh vào nhà nhiều của cải, tôn quý quyến thuộc thành tựu, có oai thế lớn, diện mạo xinh đẹp, có khả năng làm thanh tịnh thiên đạo và đạo giải thoát, đều là thế lực của phật. Nhờ thế lực phật, nên đã giúp cho nhiều chúng sinh xuất gia trong pháp Phật, có lợi ích như thế v.v... nên khởi tâm vui mừng, nói rằng: Nay ta tăng ích pháp thiện vắng lặng của người xuất gia.

Lại có thuyết nói: Vì muốn xa lìa lỗi lầm của sự chê bai, nên khen ngợi A-ni-lô-đầu, v.v... vì muốn cho oai đức của người kia được tôn trọng nên khen ngợi Mục-liên, v.v...

Vì muốn hiển bày có công đức lớn, nên khen ngợi Tôn giả Xá-lợi- phất, v.v..., và vì muốn sinh khởi tâm không sợ hãi, nên khen ngợi như Tỳ-kheo Ức Nhĩ v.v...

Thế nào là năng lực của thân? Năng lực của thân yếu kém là sao? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận nầy?

Đáp: Như Tỳ-bà Xà-bà-đề nói: Sức của thân, sức của thân yếu kém không do ở thân mà là do ở tâm làm ra. Vì nhằm ngăn ý của người nói như thế, vì muốn nói về thể của sức là xúc nhập, nên soạn luận nầy.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận là vì muốn ngăn ý của Di-sa-tắc bộ, bộ ấy nói rằng: Thể của sức nơi thân là tinh tiến, thể của sức nơi thân yếu kém là sự lười biếng.

Vì nhằm ngăn ý nghĩ của người nói như thế, vì muốn nói sức của

thân, sức của thân yếu kém, thể là xúc nhập.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận nầy là muốn ngăn ý nghĩ của phái Thí dụ giả, phái ấy nói rằng: Nói sức của thân, sức của thân yếu kém, không có tự thể nhất định. Như sức voi vượt hơn sức ngựa, sức ngựa vượt hơn sức bò.

Thế nào là một thể? Tức là sức của thân, là sức của thân yếu kém.

Vì muốn ngăn ý của thuyết nói như thế, vì muốn nói về sức của thân, sức của thân yếu kém là pháp quyết định, nên nếu sức của thân chẳng phải pháp quyết định, thì chẳng phải thuộc về nhập, chẳng phải đối tượng nhận thức của thức.

Hỏi: Nếu sức của thân là quyết định, thì theo phái Thí dụ giả nói làm sao hiểu? Như sức của voi vượt hơn sức ngựa, sức của ngựa vượt hơn sức bò?

Đáp: Vì đây là nhân nơi người khác nên nói là hơn. Như sức ngựa đối với sức voi, bốn đại yếu thì nhiều, bốn đại mạnh thì ít. Sức bò đối với sức ngựa, bốn đại yếu thì nhiều, bốn đại mạnh thì ít. Vậy thì sức mạnh, thường mạnh, sức yếu thường yếu. Vì việc nầy, vì nhằm ngăn ý của người khác, muốn hiển bày rõ nghĩa của mình, cho đến nói rộng, nên soạn luận nầy.

Tất cả pháp hữu vi, sức có mạnh, yếu. Vì sao? Vì như mắt sáng rõ, có thể nhìn thấy, đó gọi là sức mạnh, người nào không bằng gọi là sức yếu, cho đến thân cũng giống như thế. Như ý khéo có thể biết pháp, đó gọi là sức mạnh, người nào không bằng gọi là sức yếu. Ở đây nói sức của thân, sức thân yếu kém, nên soạn luận nầy.

Hỏi: Thế nào gọi là sức của thân?

Đáp: như sức của thân, thân dũng mãnh, cho đến nói rộng. Các danh từ như thế, v.v... đều hiển hiện tướng của sức. Như hai lực sĩ đọ sức, cho đến nói rộng. Vì nghĩa nầy nên biết được sức của thân, sức của thân yếu kém, là thuộc về xúc, nhập. Vì sao? Vì sự xúc chạm, nên biết được sức của người nầy mạnh hay yếu. Giống như hai người mạnh khỏe nắm một người sức yếu. Lúc người kia đang nắm, là xoay vần biết nhau. Như người có sức mạnh nắm lấy người sức yếu, biết sức của người kia yếu. Người sức yếu nắm lấy người sức mạnh, cũng biết sức của người kia mạnh.

Sức mạnh, sức yếu đều thuộc về một nhập, nghĩa là xúc nhập. Là đối tượng nhận biết của hai thức, đó là thân thức và ý thức. Thân thức nhận biết tướng riêng, ý thức nhận tướng riêng và tướng chung.

Do nghĩa như thế, tức là ngăn ý của người nói, sức của thân không nhất định. Vì sao? Vì nếu đối nơi sức của thân, sức của thân yếu kém không nhất định, thì không nên nói nhất định là thuộc về một nhập, được hai thức nhận biết.

Hỏi: Sức của thân, sức thân yếu kém thể tánh là gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thể là bốn đại.

Hỏi: Nếu vậy thì vì đại nào tăng, nên sức của thân mạnh? vì đại nào tăng, nên sức của thân yếu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bốn đại không tăng, tự có bốn đại tương tợ sinh ra sức của thân mạnh, có bốn đại tương tợ sinh ra sức của thân yếu.

Lại có thuyết nói: Vì địa đại tăng nên sức của thân mạnh, vì thủy đại tăng nên sức thân yếu. Vật bên ngoài cũng thế. Như cây Đà-bà, cây Khư-đà-la, cây Tỳ-ma, cây Bà-đà-la v.v... vì địa đại nhiều, nên chắc cứng, như cỏ lau, liễu, bầu, hồ ma v.v... vì thủy đại nhiều nên mềm yếu.

Lại có thuyết nói: Sức của thân, sức của thân yếu, thuộc về xúc nhập, thể chẳng phải bốn đại, là tánh của sắc tạo.

Hỏi: Nếu vậy thì tánh của sắc tạo có bảy thứ, thứ nào tăng, nên sức của thân mạnh mẽ? Thứ nào tăng, nên sức của thân yếu?

Đáp: Vì thứ nặng nhiều nên sức của thân mạnh, vì thứ nhẹ nhiều nên sức của thân yếu. Vật bên ngoài cũng thế, nặng thì mạnh, nhẹ thì yếu.

Lại có nói rằng: Ngoài bảy thứ sắc tạo, còn có sức của thân, sức thân yếu kém.

Bình luận: Nên nói như thế. Thân bốn đại cân bằng, thì sức của thân mạnh mẽ, thân bốn đại không cân bằng thì sức của thân yếu.

Như nói: Bồ-tát có sức Na-la-diên, lượng bằng nhau của sức Na-la-diên ra sao.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Sức mười con bò thường bằng sức của một con bò trời, sức của mười con bò trời bằng sức của một con trâu xanh, sức của mười con trâu xanh bằng sức của một con voi thường, sức của mười con voi thường bằng sức của một hương tượng, sức của mười hương tượng bằng sức của một người đại lực, sức của mười người đại lực bằng sức của một Bát-kiến-đà, sức của mười Bát-kiến-đà bằng nửa sức Na-la-diên. Hai nửa sức Na-la-diên bằng sức của một Na-la-diên, sức của một Na-la-diên bằng một chút sức của Bồ-tát. Đó gọi là sức thân của Bồ-tát.

Lại có thuyết nói: (Thuyết nầy rất ít). Sức của mười con bò thường bằng sức của một con bò trời, cho đến sức của mười voi thường bằng sức của một voi hoang, sức của mười voi hoang bằng sức của một voi Già- ni-la. Sức của mười voi Già-ni-la bằng sức của một voi A-la-lặc-ca. Sức của mười voi A-la-lặc-ca bằng sức của một voi núi Tuyết, sức của mười con voi núi Tuyết bằng sức của một Hương tượng. Sức của mười Hương tượng bằng với sức của một con voi núi xanh. Sức của mười con voi núi xanh bằng sức của một voi núi Vàng. Cứ như thế, theo thứ lớp gấp mười lần, nói về Ưu-bát-la đỏ, trắng, Câu-vật-đầu, Ba-đầu-ma cũng nói giống như thế, sức của mười voi Ba-đầu-ma, bằng sức của một người đại lực. Sức của mười người đại lực bằng sức của một Bát-kiến-đà. Sức của mười Bát-kiến-đà bằng sức của một Sa-lăng-già. Sức của mười Sa-lăng-già bằng sức của một Bà-lăng-già. Sức của mười Bà-lăng-già bằng sức của một Chương-nậu-lặc. Sức của mười Chương-nậu-lặc bằng sức của một Bà-la-chương-nậu-lặc. Sức của mười Bà-la-chương-nậu- lặc bằng một nửa sức của Na-la-diên. Hai nửa sức Na-la-diên bằng một sức của Na-la-diên. Đó gọi là năng lực của Na-la-diên.

Lại có thuyết nói: (Thuyết nầy cũng ít). Sức của một ngàn long vương Y-na-bạt-la bằng một chút sức của Bồ-tát.

nghe nói khi trời Đao lợi muốn dạo chơi, Long vương Y-na-bạt-la, sắc thuần trắng, như bảy cành hoa Câu-vật-đầu, an lập, có đủ sáu ngà, đầu đỏ như sắc của Nhân-đề-cụ-ba. Bên hông trái phải, mỗi bên đều là hai do-tuần rưỡi, trước sau đều một do-tuần. Như thế, xung quanh thân có bảy do-tuần, cao hai do tuần rưỡi. Đây là thân thường có tám ngàn quyến thuộc. Các quyến thuộc ấy với sắc đỏ trắng, như bảy cành hoa Câu-vật-đầu an lập, có đủ sáu ngà, đầu đỏ như sắc của Nhân-đề-cụ-ba. Lúc trời Ba mươi ba muốn dạo chơi, trên thân của Long vương Y-na- bạt-la, tự nhiên có hiện ra tay hương, bèn nghĩ: Hôm nay chư thiên cần ta, liền tự hóa thân thành ba mươi hai đầu, mỗi đầu có sáu ngà, đầu đỏ như sắc của Nhân-đề-cụ-ba. Đầu thứ Ba mươi ba là đầu thường, trên mỗi ngà, hóa thành bảy ao, trong mỗi ao, hóa thành bảy đóa hoa sen, trên mỗi hoa, hóa thành bảy đài, nơi mỗi đài hóa bảy màn che liên kết với nhau, trong mỗi (màn) che có bảy thiên nữ, mỗi thiên nữ có bảy thị giả, mỗi thị giả có bảy kỹ nữ.

Biến hóa như thế xong, Long vương đi đến trong thành của chư thiên, hóa ra ba mươi hai đầu, ba mươi hai quan phụ tá và quyến thuộc của họ cưỡi lên trên đó. Đế-thích cỡi trên đầu thường và quyến thuộc của Đế-thích cưỡi lên trên ấy.

Cũng thế, gồm có một vạn gia tộc của chư thiên, thân bay bỗng lên, giống như gió xoáy thổi phớt qua trên lá cỏ, cưỡi hư không mà đi, đến chỗ dạo chơi. Bấy giờ chư thiên đều không tự thấy có người trước sau, đến chỗ dạo chơi. Bấy giờ, chư thiên đều đến dạo chơi trong vườn rừng với ý niệm hân hoan vui vẻ.

Bấy giờ, Long vương cũng tự hóa thân thành hình thiên tử rồi tự vui đùa. Cũng thế, thân Bồ-tát với sức của Long vương Y-na-bạt-la, có mười tám đại tiết, mỗi đại tiết có một ngàn sức của Long vương Y-na-bạt-la.

Cũng thế, v.v... gọi là sức thân của Bồ-tát.

Lại có thuyết nói: Thuyết nầy cũng ít. Sức nơi thân của Bồ-tát có mười tám tiết lớn, như trước đã nói, là sức của tiết thấp nhất trong mười tám tiết của Bồ-tát. Thuyết thứ hai nói là sức nơi tiết vượt hơn kế đó của Bồ-tát. Thuyết thứ ba nói là sức của tiết thứ ba, cứ thứ lớp như thế mỗi mỗi đều chuyển biến vượt hơn gấp bội.

Tôn giả Bà-đàn-đà nói: Sức của ý vô lượng, nên biết sức của thân cũng vô lượng, làm sao biết được? Vì như đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng đời vị lai, sẽ sinh hiện ở trước. Bấy giờ, Tam thiên đại thiên thế giới, mặt đất rung chuyển. Do việc nầy, nên biết được do sức của ý vô lượng, nên sức của thân cũng vô lượng.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao nói Bồ-tát có sức của Na-la-diên?

Đáp: Vì sức của Na-la-diên được người đời ưa chuộng nên dùng làm dụ. Vậy thì sức của ý vô lượng, nên sức của thân cũng vô lượng.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát tu tập sức như thế?

Đáp: Vì muốn thể hiện tất cả đều là việc vượt hơn, như Bồ-tát đối với tất cả việc vượt hơn của thế gian như là sắc tộc, giàu có, nhiều của cải, quyến thuộc, chứa nhóm công đức và sức của tiếng tăm cũng giống như thế. Như về sắc tộc v.v... đã bao trùm thế gian nên về sức cũng nên như vậy.

Lại có thuyết nói: Vì là Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng phải trụ nơi thân bền chắc như thế, nhưng không có việc đó, nên chỉ do phân biệt mà nói. Nếu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng trụ nơi đỉnh núi Tu-di, thì núi Tu-di sẽ bị vỡ nát, vì lực, vô úy rất quý trọng. Chính vì cho nên khi mới thành đạo, Đức Thế tôn giở chân lên định đi, bước nhẹ nhàng trên đất, đất liền rung chuyển.

Lại có thuyết nói: Vì đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên ở cõi Diêm-phù-đề trong Tam thiên đại thiên thế giới, ở cõi Diêm-phù-

đề ấy có tòa kim cương tự nhiên xuất hiện. Bồ-tát ngồi trên đó thành Đẳng chánh giác. Cũng thế, cũng là đạo Chánh đẳng Chánh Giác Vô thượng, thân chứa nhóm bền chắc.

Lại có thuyết nói: Vì dùng sức nầy để dẫn dắt ứng hóa chúng sinh. Ở đây, nên nói là người do sức biến hóa dụ cho các Thích tử, việc bắn dụ cho nhập Niết-bàn, thời gian dụ cho đá cứng chắc.

Nghe nói khi Đức Thế tôn sắp nhập Niết-bàn, Ngài đến thôn Ba- ba, bấy giờ có năm trăm lực sĩ đang sữa đường, lúc đó có một tảng đá dài mười hai trượng, rộng sáu trượng. Các lực sĩ đồng dốc hết tâm lực, nhưng không thể làm cho tảng đá nhúc nhích. Đức Thế tôn đến, hỏi các đồng tử: Các vị đang làm gì thế? Các lực sĩ đáp: Chúng con đang tô điểm lại đường sá. Đức Thế tôn lại hỏi: Nay ta vì các vị sẽ dời tảng đá nầy đi được chăng? Đáp: vâng, được. Phật bảo các lực sĩ: Các vị nên tránh thật xa! Lúc ấy, Đức Thế tôn dùng ngón chân cái nâng tảng đá nầy lên, đặt trong tâm bàn tay. Lại dùng tay nâng tảng đá ném vào hư không, rơi xuống, lại đỡ lấy, rồi dùng miệng thổi tan tảng đá khiến nó nát vụn như bụi, rồi làm cho nó hợp lại như cũ không khác. Bấy giờ, các lực sĩ hỏi Phật: Việc như thế là do công sức gì? Đức Thế tôn đáp: Do sức của ngón chân cái, đặt tảng đá trong tâm bàn tay là sức của thân do cha mẹ sinh ra. Sau dùng bàn tay nắm tảng ném vào hư không, cũng là sức của thân do cha mẹ sinh ra. Dùng miệng thổi tan tảng đá, khiến nó nát vụn như bụi, là do sức thần túc. Tảng đá nát vụn, rồi hợp trở lại nguyên vẹn như cũ, là năng lực của sự giải thoát. Các lực sĩ lại hỏi Phật: Còn có sức mạnh nào hơn sức mạnh như thế của Đức Thế tôn chăng? Phật đáp: Có chứ! Đó là sức vô thường. Phật bảo các lực sĩ: Dù là sức của cha mẹ sinh ra và sức của sự giải thoát, của thần túc, thì ta cũng sẽ bị sức mạnh của vô thường hủy hoại vào nửa đêm nay.

Nghe Đức Phật nói qua việc nầy, các lực sĩ sinh tâm nhàm lìa. Phật vì họ nói pháp, khiến họ thấy được chân đế. Cho nên, vì muốn dẫn dắt chúng sinh trong sự ứng hóa, nên Bồ-tát tu tập năng lực nầy.

Hỏi: Vào thời gian nào Bồ-tát đạt đầy đủ sức nầy?

Đáp: Vào thời gian Bồ-tát hai mươi lăm tuổi thì đạt được đầy đủ năng lực nầy. Từ đó trở đi, đến năm mươi tuổi, sức của Bồ-tát không giảm. Quá tuổi nầy về sau thể lực của Bồ-tát chuyển biến giảm dần.

Lại có nói rằng: Sức ấy không giảm. Vì sao? Vì sức của ý không giảm nên sức của thân cũng vậy.

Bình luận: Nên nói rằng: Pháp thân của Bồ-tát không giảm, sinh thân có giảm, là do quả báo, như Ưu-đà-da nói: Nay thấy sắc thân Đức

Thế tôn tổn giảm, cho đến nói rộng.

Hỏi: Chúng sinh khác có sức của Na-la-diên hay không?

Đáp: Như sức của Bồ-tát đã nói lúc đầu, chúng sinh khác còn không có, huống chi là thuyết khác? Nhưng vào lúc thế giới mới thành thế giới chúng sinh, người có sức như Na da diên, có một nửa sức Na da diên, có sức của Bát-kiến-đà, có sức mạnh lớn, đầy cả cõi Diêm-phù- đề.

Hỏi: Về tướng đốt xương của các người kia theo thứ lớp ra sao?

Đáp: Trừ bốn hạng người kia, tướng đốt xương của các chúng sinh khác thì trái nhau. Nếu sức của con người bằng sức voi, ngựa, thì đốt xương sẽ khít nhau. Người có sức mạnh thì, đốt xương nối liền nhau. Người có sức Bát-kiến-đà đốt xương móc nối nhau. Người có sức của Na-la-diên thì đốt xương nối nhau như mắc xích, đốt xương của Bồ-tát, như giao long liên kết nhau, như Khát già giác, Bích-chi Phật, gọi là sức mạnh lớn.

Hỏi: Vua Chuyên luân có sức mạnh Na-la-diên hay không?

Đáp: Vua Chuyển luân không có sức mạnh Na-la-diên. Tùy ở sức ở thân đức nơi bánh xe báu và các thứ báu khác cũng thế. Nếu bánh xe kia là vàng thì làm vua bốn cõi thiên hạ, sức của vua là tối thắng. Nếu bánh xe kia là bạc, thì làm vua trị vì ba cõi thiên hạ, sức vua sẽ càng giảm. Nếu luân kia là đồng, thì làm vua cai trị hai cõi thiên hạ, sức của vua đó lại giảm. Nếu bánh xe kia là sắt, thì làm vua trị vì một cõithiên hạ, sức của vua ấy rất yếu kém.

Lúc Phật còn ở đời, có ba người có sức mạnh của Bát-kiến-đà:

1. Tôn giả A-nan.

2. Thích thây chế-tểm-di.

3. Thích nữ Cù-tỳ-ca.

Hỏi: Bích-chi Phật ra đời là như Phật ra đời một mình hay có người ra đời chung?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ra đời một mình, không có ai ra đời chung. Vì sao? Vì căn tánh của Bích-chi Phật vượt hơn Xá-lợi-phất. Như Xá-lợi-phất đều xuất hiện ở đời, giống như việc nầy, huống chi là năm trăm công đức xuất hiện cùng một lúc.

Hỏi: Nếu Bích-chi Phật không cùng xuất thế, là nói năm trăm công đứt xuất thế cùng lúc, là người nào?

Đáp: Đây đều vốn là Thanh văn, vì duyên tỏ ngộ Bồ-đề, nên gọi là Bích-chi Phật. Nếu chủng tánh gốc là Bích-chi Phật thì hành thành Bích-chi Phật. Một mình xuất hiện ở thế gian, nên biết là như Phật.

Đã nói sức nơi thân của Như lai, nay sẽ nói về sức của ý. Như lai có mười lực, đó là trí lực thị xứ phi xứ cho đến trí lực lậu tận.

Hỏi: Thể tánh của lực là gì?

Đáp: Thể tánh là thể của trí là thân trí. Đã nói về thể tánh, nay sẽ nói về nguyên do của lực.

Những gì là nghĩa của lực?

Đáp: Nghĩa không bị người khác khuất phục là nghĩa của lực. Nghĩa không bị người khác che lấp là nghĩa của lực. Nghĩa không bị dứt trừ, chế phục là nghĩa của lực. nghĩa hại, nghĩa quyết định nhận biết, nghĩa có thể gánh vác, nghĩa tối thắng là nghĩa của lực.

Giới nghĩa là trí lực của đời trước, trí lực của sinh tử. Lực khác ở cõi Sắc. Nếu là hữu lậu thì thuộc về ba cõi. Nếu là vô hậu thì không lệ thuộc. Địa là trí lực đời trước, trí lực của sinh tử, địa nơi các lực khác ở Tứ thiền căn bản. Nếu là hữu hậu thì ở địa mười một, nếu là vô lậu thì ở địa thứ chín. Y, nghĩa là dựa vào thân cõi Dục. Hành nghĩa là trí lực của thị xứ phi xứ, trí lực đến tất cả đạo hành mười sáu hành, cũng hành phi hành, trí lực nhận biết tập của pháp nghiệp, hành tám hành, cũng hành phi hành.

Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, hành mười hai hành cũng hành phi hành. Trí lực của túc mạng, là trí lực sinh tử, hành về phi hành. Trí lực lâu tận, nếu lấy cảnh giới hành về bốn hành. Nếu lấy ở thân thì hành mười sáu hành cũng hành phi hành.

Duyên nơi cảnh giới: Là trí lực của thị xứ phi xứ. Duyên nơi tất cả pháp là trí lực nhận biết tập của pháp nghiệp, duyên theo đế của khổ, tập.

Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, duyên theo ba đế, trừ diệt đế, trí lực đến tất cả đạo, duyên với bốn đế. Trí lực của túc mạng duyên theo năm ấm cõi Dục, cõi Sắc ở đời trước. Trí lực của sinh tử duyên theo sắc nhập, trí lực của lậu tận, nếu dùng cảnh giới, thì duyên theo Diệt đế, nếu lấy ở thân, thì duyên theo tất cả pháp.

Niệm xứ, nghĩa là trí lực biết dục, trí lực của túc mạng là pháp niệm xứ. Trí lực của sinh tử là thân niệm xứ. Trí lực của lậu tận, nếu dùng cảnh giới, là pháp niệm xứ, nếu lấy ở thân, thì là bốn niệm xứ. Các lực còn lại là bốn niệm xứ.

Trí, nghĩa là trí lực của thị xứ phi xứ. Trí lực đến tất cả đạo là mười trí. Trí lực nhận biết tập của pháp nghiệp là tám trí, trừ diệt trí, đạo trí.

Trí lực thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu là chín trí, trừ diệt trí. Trí lực của túc mạng, như người cựu A-tỳ-đàm nói là đẳng trí.

Tôn giả Bà-dĩ nói là bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, khổ trí và đẳng trí.

Tôn giả Cù-sa nói là sáu trí: Trừ tận trí, trí vô sinh, diệt trí, tha tâm trí.

Bình luận: Nên như thuyết trước nói, một đẳng trí, nghĩa là trí lực ưa sinh tử. Người cựu A-tỳ-đàm nói: Là một đẳng trí.

Tôn giả Bà-dĩ nói bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, tập trí, đẳng trí. Nghĩa chân thật là một đẳng trí. Trí lực hậu tận, nếu dùng cảnh giới thì là sáu trí, trừ tha tâm trí, khổ trí, tập trí, đạo trí. Nếu lấy ở thân thì có mười trí. Vì sao? Vì mười trí nầy ở trong thân Như lai đều có thể đạt được.

Căn: Nói tóm lại thì tương ưng với ba căn. Quá khứ hiện tại vị lai là pháp ba đời. Duyên nơi đời quá khứ, vị lai, hiện tại là trí lực của thị xứ phi xứ, trí lực đến tất cả đạo, duyên theo ba đời, cũng duyên theo chẳng phải đời.

Trí lực thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu duyên theo ba đời. Trí lực của túc mạng quá khứ, hiện tại, nghĩa là duyên theo đời quá khứ, đời vị lai. Sẽ sinh, nghĩa là duyên theo đời quá khứ. Nếu bất sinh, nghĩa là duyên theo ba đời.

Trí lực của sinh tử quá khứ duyên theo đời quá khứ, hiện tại duyên theo đời hiện tại, vị lai sẽ sinh duyên theo đời vị lai, bất sinh trí lực lậu tận duyên theo ba đời, nếu dùng cảnh giới thì duyên theo pháp chẳng phải đời. Nếu lấy ở thân thì duyên theo cả ba đời, cũng duyên theo chẳng phải đời.

Thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện duyên theo thiện. Bất thiện, vô ký: Trí lực biết thiền, giải thoát, Tam-ma-đề, duyên theo thiện, vô ký. Trí lực lậu tận, nếu lấy cảnh giới thì duyên theo thiện, nếu lấy ở thân thì duyên theo thiện, bất thiện vô ký, các lực khác duyên theo ba thứ. Hệ thuộc là trí lực túc mạng, trí lực của sinh tử thuộc về cõi Sắc. Các lực khác nếu là hữu hậu thì lệ thuộc ba cõi. Nếu là vô lậu thì không lệ thuộc.

Duyên lệ thuộc ba cõi: Trí lực túc mạng, trí lực của sinh tử duyên thuộc về cõi Dục, sắc. Trí lực nhận biết tập của pháp nghiệp thì duyện lệ thuộc ba cõi. Trí lực lậu tận, nếu dùng cảnh giới thì sẽ duyên theo không lệ thuộc, nếu lấy ở thân thì duyên lệ thuộc ba cõi và duyên theo không lệ thuộc. Các lực khác duyên lệ thuộc ba cõi, duyên theo chẳng lệ thuộc.

Là Học, Vô học, phi học phi Vô học: Trí lực túc mạng, trí lực sinh tử là phi học phi Vô học. Các lực khác, nếu vô lậu thì là Vô học, nếu hữu lậu thì là phi học phi Vô học.

Duyên nơi Học, Vô học, phi học phi Vô học: Trí lực nhận biết tập của nghiệp pháp, trí lực túc mạng, trí lực sinh tử duyên theo phi học phi Vô học. Trí lực lậu tận nếu lấy cảnh giới thì duyên theo phi học phi Vô học. Nếu lấy ở thân thì có thể duyên theo cả ba thứ, các lực còn lại, duyên cả ba thứ. Về thấy đạo dứt, tu đạo dứt không dứt, nghĩa làtrí lực túc mạng, trí lực sinh tử là tu đạo dứt trừ. Lực còn lại, nếu hữu lậu, là tu đạo dứt trừ, nếu là vô lậu, thì không dứt trừ, duyên theo thấy đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt. Nghĩa là trí lực nhận biết tập của pháp nghiệp, trí lực túc mạng duyên theo thấy đạo dứt, tu đạo dứt, trí lực sinh tử duyên theo tu đạo dứt trừ, trí lực lậu tận, nếu dùng cảnh giới thì duyên theo không dứt, nếu lấy ở thân thì duyên theo cả ba thứ, các còn lại duyên hết ba thứ. Về duyên theo danh, duyên theo nghĩa: Trí lực biết dục, trí lực của sinh tử, duyên theo nghĩa, trí lực lậu tận. Nếu lấy cảnh giới, thì duyên theo nghĩa, nếu lấy ở thân thì duyên theo danh, nghĩa, lực khác vừa duyên sanh, vừa duyên nghĩa, duyên theo thân mình, thân người, chẳng phải thân. Trí lực của thị xứ phi xứ, cho đến trí lực của tất cả đạo, duyên theo thân mình, nơi thân người, cũng duyên theo pháp chẳng phải thân. Trí lực lậu tận, nếu dùng cảnh giới thì duyên theo phi thân, nếu lấy ở thân thì sẽ duyên hết ba thứ, các lực còn lại thì duyên theo thân mình, nơi thân người.

Hỏi: Các lực nầy là từ phương tiện sinh hay là từ lìa dục mà được?

Đáp: Có thể nói là từ phương tiện sinh, cũng từ lìa dục mà được. Vì sao? Vì đã chứa nhóm phương tiện sinh từ ba A-tăng-kỳ kiếp, nên nói là từ phương tiện sinh. Vì từ lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ mà được, nên nói từ lìa dục mà được.

Hỏi: Ở xứ nào sinh ra lực nầy?

Đáp: Dựa vào thân cõi Dục, sinh ở châu Diêm-phù-đề, chẳng phải phương khác. Dựa vào thân người nam, chẳng phải thân người nữ.

Hỏi: Trí lực trí biết tập của pháp nghiệp, và trí lực sinh tử có gì khác nhau không?

Đáp: Từ thô đến tế là trí lực sinh tử, từ tế đến thô là trí lực biết tập của pháp nghiệp, như thô, tế hiện thấy, không hiện thấy, nhân quả, nên biết cũng giống như thế.

Đã nói lực, vô úy, nay sẽ nói về bậc Chánh đẳng Chánh giác có bốn vô sở úy, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thể tánh của vô úy là gì?

Đáp: Thể tánh của vô úy là thân tuệ. Lực ban đầu là vô úy ban

đầu, lực thứ mười là vô úy thứ hai, lực thứ hai là vô úy thứ ba, lực thứ bảy là vô úy thứ tư. Mỗi lực gồm bốn vô úy, mỗi vô úy gồm nhiếp mười lực, tức là có bốn mươi lực, bốn mươi vô úy.

Vì Đức Phật lược nói, nên ta thành tựu mười lực, bốn vô sở úy, nói rộng là thành tựu bốn mươi lực, bốn mươi vô úy.

Đã nói thể tánh của lực vô úy, về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Thế nào là nghĩa vô úy?

Đáp: Nghĩa không thể làm lay động là nghĩa vô úy, nghĩa dũng mãnh là nghĩa vô úy. Nghĩa không yếu đuối là nghĩa vô úy. Nghĩa yên ổn, nghĩa thanh tịnh, nghĩa thuần bạch là nghĩa vô úy.

Hỏi: Lực tức là vô úy hay khác với vô úy?

Đáp: Các lực tức là các vô úy, như trước đã nói, lực đầu tiên tức lực vô úy đầu tiên, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nếu vậy thì giữa lực và vô úy có gì khác nhau?

Đáp: Không có khác nhau. Như nói vô úy tức lực, lực tức vô úy.

Lại có thuyết nói: Tên tức khác nhau. Vì sao? Vì đó gọi là lực, vì đó gọi là vô úy.

Lại có thuyết nói: mới An lập là lực, đã an lập không lay động là vô úy.

Lại nữa, có vững chắc, mạnh mẽ là lực, dũng cảm, quyết định là vô úy.

Lại nữa, không bị người khác khuất phục là lực, không yếu đuối là vô úy.

Lại nữa, trí là lực, biện tài là vô úy.

Lại nữa, nhân là lực, quả là vô úy.

Lại nữa, không bị người khác che lấp, là lực, có thể che lấp người khác là vô úy.

Lại nữa, tự làm lợi ích là lực, làm lợi ích cho người là vô úy. Lợi mình, lợi người cũng thế.

Lại nữa, tự giác là lực, vì người khác giảng nói là vô úy. Chứa nhóm là lực, nhận dùng là vô úy. Nghĩa tiếp nhận của cải là lực, nghĩa phân chia của cải là vô úy.

Lại nữa, biết phương thuốc là lực, trị bệnh cho người là vô úy.

Lại nữa, nghĩa pháp vô ngại là lực, lạc thuyết vô ngại là vô úy.

Lại nữa, khen cầu nghĩa pháp vô ngại là lực, khen cầu từ lạc thuyết vô ngại là vô úy. Các phân biệt khác như đã nói trong phần lực.

Như lai có đại bi.

Hỏi: Thể tánh của đại bi là gì?

Đáp: Thể tánh của đại bi là tuệ. Lại có thuyết

nói: Là chiếu soi.

Bình luận: Không Nên nói rằng, như thuyết trước là tốt.

Phải biết, đại bi tức là lực của thị xứ phi xứ Địa: Nghĩa là địa của đệ Tứ thiền. Ngoài ra, phân biệt nên tùy tướng mà nói.

Hỏi: Vì sao trong đây chỉ nói lực, vô úy, đại bi mà không nói là ba niệm xứ?

Đáp: Vì ba thứ nầy vượt hơn trong phần nói pháp, còn ba niệm xứ thì không như thế. Nói lực tức là biểu hiện rõ ràng nghĩa của mình. Nói vô úy tức là thể hiện nghĩa phát trừ, chế phục người khác. Đại bi thì sinh ra tâm muốn nói pháp, ba niệm xứ thì không như thế cho nên không nói.

Như lai cũng nói thành tựu bảy pháp. Bảy pháp kia nên biết tức là lực của thị xứ phi xứ. Nếu Như lai còn có pháp bất cộng khác, nên biết đều là lực của thị xứ phi xứ.

Hỏi: Bảy pháp nầy có bao nhiêu trí tánh?

Đáp: Biết pháp, biết lượng, biết chúng, đây là một đẳng trí. Biết nghĩa, tức là các thuyết đều nói. Niết-bàn là đệ nhất nghĩa tức là sáu trí tánh, trừ khổ trí, tập trí, tha tâm trí và đạo trí. Phần nhiều đều nói như thế: Tất cả pháp là đệ nhất nghĩa, là mười trí tánh. Biết thời gian, biết người là chín trí tánh, trừ diệt trí. Tự biết là tám trí tánh, trừ diệt trí, tha tâm trí.

Tôn giả Bà-đĩ nói: Tự biết là bốn trí tánh, nghĩa là pháp trí, tỷ trí, đạo trí, đẳng trí.

Bình luận: Các thuyết nói như thế có thể có việc nầy, chỉ về nghĩa của bảy pháp mà kinh kia đã nói là một đẳng trí. Như lai có tam-muội của năm Thánh trí, đây cũng là lực của thị xứ phi xứ. Năm trí là: Pháp trí, tỷ trí, đạo trí, tận trí và trí vô sinh.

✦✦✦✦✦